

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 24/2024/DS-ST

Ngày 16/4/2024.

Về việc: “*Tranh chấp hui, họ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Lê Thị Sáu**.

2. Bà: **Đỗ Thị Thương Quyền**.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2023/TLST-DS ngày 26/10/2023 về việc “*Tranh chấp hui, họ*” giữa:

- Nguyên đơn: Trần Thị Thúy K; sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Minh Tú, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Lệ T11 ; địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/7/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà K tham gia chơi 01 dây hui do Bà Hoàng Thị Lệ T1 làm chủ hui. Dây hui 3.000.000đ/tháng, áp thảo vào ngày 10/4/2022, Bà K đã đóng được 24.750.000đ. Do có sự gian dối trong việc hót hui và chồng hui nên ngày 10/3/2023, bà T1, bà Ngô Thị Luyện, bà Vũ Thị Mai và Bà K thống nhất ngừng góp hui; bà T1 ký giấy xác nhận nợ tiền hui trong đó nợ Bà K , Bà M và bà L 74.250.000đ; đồng thời hứa trả vào tháng 7/2023 nhưng đến nay không trả. Do đó, ngày 02/7/2023, Bà K khởi kiện yêu cầu bà T1 trả cho bà 24.750.000đ tiền góp

hội nêu trên. Tuy nhiên, đến ngày 24/10/2023 Bà K có đơn khởi kiện bổ sung Bà K có yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu bà T1 trả 74.250.000đ tiền và tiền lãi tạm tính từ tháng 5/2023. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 22/02/2024 Chị T là người đại diện theo ủy quyền của Bà K yêu cầu bà T1 trả cho Bà K số tiền hội đã góp là 24.750.000đ và tiền lãi tính từ tháng 10/02/2023 là 4.546.575đ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 15/4/2024, Chị T yêu cầu bà T1 hoàn trả cho Bà K 24.750.000đ và yêu cầu tính lãi tính từ ngày 10/7/2023 đến 10/4/2024 là 9 tháng x 1.67% x 24.750.000đ = 3.720.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi bà T1 phải trả cho Bà K là 28.470.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng).

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của Bà K là có căn cứ Chị T giao nộp chứng cứ sau: 01 bản gốc giấy xác nhận nợ tiền hội giữa bà T1 với Bà K, Bà M, bà L ghi ngày 10/3/2023.

Bị đơn bà T1 được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có trình bày nào về toàn bộ nội dung khởi kiện của Bà K.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà K, buộc bà T1 có nghĩa vụ trả cho Bà K 24.750.000đ tiền hội Bà K đã đóng và lãi phát sinh 3.720.000đ và buộc bà T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà K khởi kiện bà T1 về việc tranh chấp về hội theo giấy xác nhận nợ tiền hội giữa bà T1 với Bà K, Bà M, bà L ghi ngày 10/3/2023. Bà T1 cư trú tại Thôn 4, xã A, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hội, họ” và thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T vắng mặt có đơn, bà T1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

2. Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền góp hội 24.750.000đ Bà K đã góp: Căn cứ Giấy ghi nợ tiền hội bản gốc đánh máy đề ngày 10/3/2023 có nội dung thể hiện bà T1 có nợ Bà K, Bà M và bà L số tiền 74.250.000đ của tổng 3 chân hội phù hợp với trình bày của chị Tú. Tại đơn khởi kiện Bà K yêu cầu bà T1 trả 24.750.000đ. Tại đơn khởi kiện bổ sung của người đại diện theo ủy quyền của Bà K yêu cầu bà T1 trả số tiền 74.250.000đ là tiền đóng hội và số tiền lãi tạm tính từ tháng 05/2023. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/4/2024 Chị T chỉ yêu cầu bà T1 trả

cho Bà K số tiền hui đã đóng 24.750.000đ là phù hợp với số tiền Bà K , Mai, Luyên đã ký nhận trong giấy ghi nợ tiền hui. Do bà T1 không đến Tòa án làm việc, không có bản trình bày cũng như chứng cứ nào thể hiện đã thanh toán tiền nợ hui cho Bà K nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn giao nộp và trình bày của Chị T để buộc bà T1 có trách nhiệm hoàn trả cho Bà K 24.750.000đ tiền hui đã góp.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt Chị T yêu cầu lãi suất 1,67%/tháng và thời hạn tính lãi từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/4/2024 là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Điều 21 mục 02 chương III Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Do đó, cần buộc bà T1 có trách nhiệm trả cho Bà K tiền lãi là 3.720.000đ (24.750.000đ x 1,67% x 9 tháng).

[3.3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án: Buộc bà T1 phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Bà K là 1.423.500đ (28.470.000đ x 5%). Hoàn trả cho Bà K tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 238; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21 mục 02 chương III Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thúy K về việc “*Tranh chấp hui, họ*” với bị đơn Bà Hoàng Thị Lệ T1 .

Buộc bà T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Bà K 28.470.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

2. Về án phí: Buộc bà T1 phải chịu 1.423.500đ (Một Triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Bà K 1.855.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp

tại biên lai 13085 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA dân sự huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sáu

Đỗ Thị Thương Huyền

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sáu

Phạm Đức Minh

Nguyễn Văn Linh